

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Tên học phần: ĐỊA LÝ KINH TẾ - XÃ HỘI THẾ GIỚI 2

(Regional Geography II: The Human Geography of North America, Europe and Oceania)

- Mã số học phần: SP482
- Số tín chỉ học phần: 3 tín chỉ
- Số tiết học phần: 45 tiết lý thuyết và 90 tiết tự học.

### 2. Đơn vị phụ trách học phần:

- Bộ môn: Sư phạm Địa lí
- Khoa: Sư phạm

### 3. Điều kiện:

- Điều kiện tiên quyết: Không
- Điều kiện song hành: SP481

### 4. Mục tiêu của học phần:

| Mục tiêu | Nội dung mục tiêu  | CDR CTĐT     |
|----------|--|--------------|
| 4.1      | - Kiến thức về ảnh hưởng của “toàn cầu hóa tân tự do” và đặc điểm kinh tế - xã hội của châu Âu, Bắc Mỹ và châu Đại dương.    | 2.1.3a       |
| 4.2      | - Kỹ năng phân tích các vấn đề địa chính trị và an ninh phi truyền thống của các khu vực quan trọng và liên hệ với Việt Nam. | 2.2.1a       |
| 4.3      | - Kỹ năng phản biện và làm việc nhóm.  | 2.2.2b       |
| 4.4      | - Tuân thủ nội quy học tập;<br>- Thái độ cầu thị, lắng nghe góp ý và giúp đỡ bạn bè.   | 2.3a<br>2.3b |

### 5. Chuẩn đầu ra của học phần:

| CDR HP           | Nội dung chuẩn đầu ra   | Mục tiêu | CDR CTĐT |
|------------------|---|----------|----------|
| <b>Kiến thức</b> |   |          |          |
| CO1              | - Trình bày sự ảnh hưởng của “toàn cầu hóa tân tự do” và các nguồn lực phát triển kinh tế-xã hội của châu Âu, Bắc Mỹ và châu Đại Dương. | 4.1      | 2.1.3a   |
| <b>Kỹ năng</b>   |   |          |          |
| CO2              | - Phân tích bản đồ để lý giải sự ảnh hưởng của các yếu tố địa lý đến thực trạng phát triển của một vùng lãnh thổ.                       | 4.2      | 2.2.1a   |

| <b>CDR HP</b>                               | <b>Nội dung chuẩn đầu ra</b>   | <b>Mục tiêu</b> | <b>CDR CTĐT</b> |
|---|--|-----------------|-----------------|
| CO3   | - Áp dụng các kiến thức về “toàn cầu hóa tân tự do” để giải thích và đánh giá tác động của các vấn đề mới nổi của một khu vực/quốc gia cụ thể. | 4.3             | 2.2.2b          |
| <b>Thái độ/Mức độ tự chủ và trách nhiệm</b> |  |                 |                 |
| CO4   | - Thực hiện nghiên túc các quy định học tập và có phát biểu đóng góp trong giờ học.  | 4.4             | 2.3a            |
| CO5   | - Hoàn thành các yêu cầu tự học ở nhà; thảo luận và phản biện trên lớp.  | 4.4             | 2.3b            |

## 6. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Vì sao các nước phát triển cao thường tập trung ở Bắc Mỹ và Tây Âu? Học phần **Địa lý Kinh tế - xã hội Thế giới II** giúp sinh viên trả lời câu hỏi này thông qua kiến thức liên ngành về kinh tế, chính trị, địa chính trị và văn hóa của châu Âu, Bắc Mỹ và châu Đại Dương. Theo đó, sinh viên sẽ được trang bị các kiến thức địa lý nhân văn, kinh tế chính trị và địa lịch sử để lý giải sự phát triển và ảnh hưởng môi trường của các xã hội “phương Tây”. Một số quốc gia tiêu biểu được phân tích sâu, gồm Hoa Kỳ, Liên Bang Nga, Úc và một tổ chức siêu quốc gia – Liên minh châu Âu (EU). Ngoài ra, học phần còn trang bị cho sinh viên kiến thức về các vấn đề an ninh phi truyền thống mà các khu vực này đối mặt, bao gồm các dính líu đối với Việt Nam. Nối tiếp học phần **Địa lý Kinh tế - xã hội Thế giới I**, các kỹ năng tìm kiếm, chọn lọc và phân tích thông tin về địa lý kinh tế - xã hội trên các nguồn xuất bản uy tín cũng được áp dụng và củng cố.

## 7. Cấu trúc nội dung học phần:

|                 | <b>Nội dung</b>  | <b>Số tiết</b> | <b>CDR HP</b> |
|-----------------|--|----------------|---------------|
| <b>Chương 1</b> | <b>Địa lý khu vực, xã hội học tri thức và sự ảnh hưởng của “chủ nghĩa phương Tây” (Western-centrism)</b> | <b>5</b>       | CO1, CO3, CO4 |
| 1.1.            | Xã hội học tri thức và địa lý khu vực  |                |               |
| 1.2.            | Chủ nghĩa phương Tây (Western-centrism) và các ảnh hưởng đến lịch sử và tri thức thế giới                |                |               |
| 1.3.            | Kinh tế chính trị: chủ nghĩa “toàn cầu hóa tân tự do”, những tác động và sự phản kháng trên thế giới     |                |               |
| <b>Chương 2</b> | <b>Châu Âu</b>   | <b>15</b>      | CO1 – CO5     |
| 2.1.            | Giới thiệu tổng quan: điều gì khiến châu Âu khác biệt với phần còn lại của thế giới?                     |                |               |
| 2.2.            | Các nguồn lực tự nhiên: thuận lợi và thách thức  |                |               |

|                  | <b>Nội dung</b>   | <b>Số tiết</b> | <b>CDR HP</b>      |
|------------------|---|----------------|--------------------|
| 2.3.             | Địa lý khu vực: lịch sử chính trị, đặc điểm kinh tế-xã hội và những vấn đề an ninh phi truyền thống ở Bắc Âu, Tây Âu, Nam Âu, Đông Âu |                |                    |
| 2.4.             | Liên minh châu Âu (EU)  |                |                    |
| 2.5.             | Liên Bang Nga   |                |                    |
| 2.6.             | Cộng hòa Liên Bang Đức  |                |                    |
| <b>Chương 3</b>  | <b>Bắc Mỹ (Hoa Kỳ)</b>  | <b>10</b>      | CO2 – CO5          |
| 3.1.             | Giới thiệu tổng quan: điều gì làm nên một Bắc Mỹ quan trọng và khác biệt trên thế giới?   |                |                    |
| 3.2.             | Nguồn lực tự nhiên: thuận lợi và thách thức   |                |                    |
| 3.3.             | Các đặc trưng dân cư, chính trị, văn hóa và xã hội  |                |                    |
| 3.4.             | Kinh tế và sự chuyển dịch sang nền kinh tế tri thức   |                |                    |
| 3.5.             | Siêu cường thế giới và những thách thức an ninh phi truyền thống  |                |                    |
| <b>Chương 4</b>  | <b>Châu Đại Dương (Liên hiệp Úc)</b>  | <b>10</b>      | CO1, CO2, CO4, CO5 |
| 3.1.             | Giới thiệu tổng quan  |                |                    |
| 3.2.             | Nguồn lực tự nhiên: thuận lợi và thách thức   |                |                    |
| 3.3.             | Địa lý nhân văn: dân cư, văn hóa, lịch sử chính trị   |                |                    |
| 3.4.             | Kinh tế và cạnh tranh địa chính trị   |                |                    |
| <b>Chương 5</b>  | <b>Chuyên đề: Một số vấn đề về du lịch thế giới</b>   | <b>5</b>       | CO1, CO3, CO5      |
| 4.1.             | Tài nguyên du lịch  |                |                    |
| 4.2.             | Các loại hình du lịch và những tác động của du lịch đến văn hóa, xã hội và môi trường   |                |                    |
| 4.3.             | Xu hướng phát triển du lịch thế giới và Việt Nam  |                |                    |
| 4.4.             | Định hướng nghề nghiệp liên quan đến du lịch  |                |                    |
| <b>Tổng cộng</b> |   | <b>45</b>      |                    |

### 8. Phương pháp giảng dạy:

- Phương pháp thuyết trình
- Phương pháp hội thảo lớp học
- Phương pháp làm việc nhóm

### 9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:
- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.

- Hoàn thành bộ tài liệu chuyên ngành về Bắc Mỹ, châu Á và châu Đại Dương.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

## 10. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

### 10.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

| TT | Điểm thành phần | Quy định   | Trọng số | CDR HP    |
|----|-----------------|--|----------|-----------|
| 1  | Điểm chuyên cần | - Tham dự tối thiểu 80% số tiết học;<br>- Phát biểu ít nhất 2 lần được ghi nhận.   | 10%      | CO4       |
| 2  | Điểm giữa kỳ    | - Hoàn thành đạt yêu cầu 1 bài luận cá nhân;<br>- Hoàn thành đạt yêu cầu 1 bài báo cáo nhóm;<br>- Hoàn thành bộ tài liệu chuyên ngành. | 30%      | CO1 – CO5 |
| 3  | Điểm cuối kỳ    | - Thi tự luận  | 60%      | CO1 – CO3 |

### 10.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

## 11. Tài liệu học tập:

| Thông tin về tài liệu  | Số đăng ký cá biệt |
|--|--------------------|
| [1] Giáo trình Địa lí KTXH TG 2, Hồ Thị Thu Hồ, 2009, 2014   | 330.9/ H450        |
| [2] Địa lý kinh tế - xã hội châu Âu / Bùi Thị Hải Yến (chủ biên), Phạm Thị Ngọc Diệp, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011.- 327 tr | 330.9/ Y603        |
| [3] Sự kiến tạo xã hội về thực tại : Khảo luận về xã hội học nhận thức/ Berger, Peter Ludwig, Hà Nội: Tri thức, 2015       | 330.9/ Y603        |
| [4] Địa lý kinh tế xã hội châu Âu và Liên bang Nga/ Ông Thị Đan Thanh, NXB ĐHQG, 2012                                      | MON.065492         |
| [5] Geography: Realms, regions, and concepts/ De Blij, Harm J., New York: J. Wiley, 1997.                                  | 330.9/Th107        |

## 12. Hướng dẫn sinh viên tự học:

| Nội dung | Lý thuyết (tiết) | Nhiệm vụ của sinh viên   |
|----------|------------------|--|
| Chương 1 | 5                | - Nghiên cứu tài liệu: [3]<br>- Ôn tập “xã hội học tri thức” ở SP481;<br>- Tìm hiểu về “toàn cầu hóa tân tự do”  |
| Chương 2 | 15               | - Nghiên cứu tài liệu [1], [2], [4]<br>- Tìm hiểu về các đặc điểm tự nhiên quan trọng của châu Âu;<br>- Tìm hiểu về các thành tựu kinh tế và những vấn đề xã hội của các từng khu vực.   |
| Chương 3 | 10               | - Nghiên cứu tài liệu [1], [5]<br>- Tìm hiểu về các thế mạnh về tự nhiên khiến Bắc Mỹ trở thành khu vực của người nhập cư;<br>- Tìm hiểu về các thành tựu kinh tế và những vấn đề xã hội của Hoa Kỳ.<br>- Sự ảnh hưởng chính trị của Hoa Kỳ trên thế giới và liên hệ với Việt Nam. |
| Chương 4 | 10               | - Nghiên cứu tài liệu [1], [5]<br>- Tìm hiểu về các nguồn lực tự nhiên đặc trưng của Úc;<br>- Đặc điểm kinh tế và chính trị của Úc   |
| Chương 5 | 5                | - Nghiên cứu tài liệu [1]<br>- Liệt kê các địa danh du lịch nổi tiếng nhất trên thế giới;<br>- Ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của du lịch;<br>- Các điều kiện để trở thành người nghiên cứu về du lịch hoặc hướng dẫn viên du lịch   |
|          | 45               |  |

Cần Thơ, ngày 06 tháng 9 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỜNG KHOA



Huỳnh Anh Huy

TRƯỞNG BỘ MÔN

Lê Văn Nhung